



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
Tel: 0433 544 735 Fax: 0433 542 280

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II VÀ LŨY KẾ 30/06/2018

HÀ NỘI THÁNG 7 NĂM 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		774.235.093.143	758.479.672.153
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	105.155.913.421	163.080.582.267
1	Tiền	111		25.155.913.421	77.080.582.267
2	Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	86.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		659.103.335	551.283.335
1	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	2.222.493.335	2.222.493.335
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		(1.563.390.000)	(1.671.210.000)
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		470.614.174.116	454.986.191.490
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	381.467.493.196	381.000.084.206
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	39.379.332.980	28.095.838.727
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	795.721.745	795.721.745
6	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	71.652.394.329	65.082.339.322
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(22.680.768.134)	(19.987.792.510)
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		179.752.854.653	131.684.405.728
1	Hàng tồn kho	141	V.7	179.752.854.653	131.684.405.728
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		18.053.047.618	8.177.209.333
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	793.571.857	297.488.470
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.202.128.637	7.839.178.189
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		57.347.124	40.542.674
5	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154	V.9	-	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN(200=220+240+250+260)	200		778.269.841.617	707.552.409.270
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		24.033.997.210	24.045.497.210
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	23.161.497.210	23.161.497.210
2	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
5	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6	Phải thu dài hạn khác	216		872.500.000	884.000.000
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		621.644.597.583	644.164.818.691
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	614.986.600.349	637.506.821.457
	- Nguyên giá	222		937.394.295.382	939.841.399.903
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(322.407.695.033)	(302.334.578.446)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-

3	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	6.657.997.234	6.657.997.234
	- Nguyên giá	228		6.775.248.986	6.775.248.986
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(117.251.752)	(117.251.752)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		109.206.333.621	16.902.733.023
1	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		109.206.333.621	16.902.733.023
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1	Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	-	-
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	-	-
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5	Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		23.384.913.203	22.439.360.346
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	5.857.208.097	4.542.264.089
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.603.185.686	1.375.912.959
3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.18	-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5	Lợi thuế thương mại	269		15.924.519.420	16.521.183.298
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.552.504.934.760	1.466.032.081.423
	CHỈ TIÊU			SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
C	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.069.475.017.310	970.446.425.992
I	Nợ ngắn hạn	310		610.069.152.716	547.854.602.451
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.20	111.477.494.757	104.081.088.012
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.21	79.719.204.434	68.450.589.632
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.22	15.165.038.925	29.750.385.895
4	Phải trả người lao động	314		13.585.520.154	19.092.742.179
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		28.157.478.105	24.586.306.480
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.500.000	42.500.000
9	Phải trả ngắn hạn khác	319		47.991.947.618	65.505.099.345
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		308.194.392.480	232.282.406.964
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.309.156.896	1.180.581.390
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.426.419.347	2.882.902.554
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II	Nợ dài hạn	330		459.405.864.594	422.591.823.541
1	Phải trả dài hạn người bán	331	V.26	19.682.179.398	19.682.179.398
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.27	-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.28	-	-
7	Phải trả dài hạn khác	337		500.000.000	500.000.000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		436.480.401.723	399.532.806.082

9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.743.283.473	2.876.838.061
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.30	-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		483.029.917.450	495.585.655.431
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.31	483.029.917.450	495.585.655.431
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.531.050.000	115.531.050.000
	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		37.566.527.623	37.566.527.623
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		20.000.000.000	20.000.000.000
4	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	418		192.601.593.590	160.692.327.505
8	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.215.029.049	66.707.183.253
11	- Lợi nhuận năm trước	421a		6.090.516.145	66.707.183.253
	- Lợi nhuận năm nay	421b		19.124.512.904	-
12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25	92.115.717.188	95.088.567.050
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.552.504.934.760	1.466.032.081.423

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2018

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG 

TỔNG GIÁM ĐỐC







Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Lê Văn Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II và lũy kế đến 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II/2018	QUÝ II/2017	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/06/2018	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	162.090.470.859	119.652.795.754	222.335.688.167	258.030.446.928
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		162.090.470.859	119.652.795.754	222.335.688.167	258.030.446.928
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	123.774.033.137	117.319.929.547	147.802.718.875	220.209.795.064
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.316.437.722	2.332.866.207	74.532.969.292	37.820.651.864
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	962.692.808	4.204.039.967	1.561.539.331	5.596.717.699
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.207.938.010	11.655.078.225	24.533.203.007	24.845.034.723
<i>Trong đó :Chi phí lãi vay</i>			12.839.105.583	10.931.335.061	23.310.197.865	20.204.228.403
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Lợi nhuận ở công ty liên kết, liên danh	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	18.296.263.477	2.999.255.688	31.077.627.976	21.145.475.540
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.774.929.043	(8.117.427.739)	20.483.677.640	(2.573.140.700)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	6.693.529.371	45.289.715.795	7.101.423.670	46.838.415.997
13. Chi phí khác	32	VI.7	989.201.192	31.097.963.621	1.004.100.576	31.733.936.857
14. Lợi nhuận khác	40		5.704.328.179	14.191.752.174	6.097.323.094	15.104.479.140
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.479.257.222	6.074.324.435	26.581.000.734	12.531.338.440
16. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	V.20	864.968.240	1.259.114.183	2.273.434.967	1.299.972.095
17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.8	(45.454.545)	3.030.629.846	(45.454.545)	3.810.671.219
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.659.743.527	1.784.580.406	24.353.020.312	7.420.695.126
<i>Lợi nhuận sau thuế của công ty CP SD II</i>	61		9.216.137.311	1.768.343.096	19.124.512.904	5.096.466.654
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	62		3.443.606.216	16.237.310	5.228.507.408	2.324.228.472

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ II/2018	QUÝ II/2017	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/06/2018	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN 30/06/2017
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	632	(77)	1.490	412
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		632	(77)	1.490	412

Hà Nội, ngày 24 tháng 07 năm 2018

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Dung



Trần Văn Ngự



LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Lũy kế đến 30/06/2018

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	LŨY KẾ ĐẾN 30/06/2018	LŨY KẾ ĐẾN 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	322.554.243.618	169.481.856.963
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-330.337.046.569	-50.471.696.740
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-27.838.198.002	-10.036.096.934
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-22.236.503.925	-8.647.844.150
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-12.950.585.130	-8.524.508.658
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	13.009.552.847	106.991.833.112
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-26.945.984.223	-205.214.303.940
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-84.744.521.384	-6.420.760.347
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-568.380.000	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	0	11.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-164.000.000.000	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	170.000.000.000	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.993.596.506	1.495.236.886
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.425.216.506	1.507.055.068
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	187.925.536.834	237.710.850.295
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-151.177.593.172	-272.865.695.663
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-17.353.307.630	-11.446.545.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.394.636.032	-46.601.390.768
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-57.924.668.846	-51.515.096.047
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	163.080.582.267	240.010.237.469
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	6.227
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	105.155.913.421	188.495.147.649

Hà nội, ngày 24 tháng 07 năm 2018

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự




Lê Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp và sản xuất điện thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng các Công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện; Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình; Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện; Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV; Khai thác cát sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và quyền góp vốn với các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời để sở hữu 57.000.000 cổ phiếu (tương ứng 95% vốn điều lệ) của Công ty này, trong đó cổ phiếu hiện có là 1.221.000 cổ phiếu và quyền góp vốn tương ứng với 55.779.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc quý tài chính, Công ty đã thanh toán tiền chuyển nhượng 1.086.000 cổ phiếu, tương đương 89% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT03-Vị trí 24, KĐT Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	Bản Tin Tốc, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	70%	70%	70%	70%

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	56,71%	56,71%	56,71%	56,71%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	65,1%	65,1%	65,1%	65,1%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei	Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	98,53%	98,53%	80%	80%
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời (*)	Số nhà 1N7A, đường Nguyễn Thị Thập, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	89%	80%	100%	100%

(*) Theo thỏa thuận, các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời cam kết sẽ chuyển nhượng nốt số cổ phần còn lại cho Công ty hoặc cho bên khác do Công ty chỉ định và không tham gia vào việc điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời. Do đó, Công ty xác định tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời là 100%.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 770 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.015 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được xác định cho từng công trình như sau:

+ Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh} & + & \text{kinh doanh} & - & \text{hàng bán} \\ \text{cuối năm} & & \text{dở dang đầu năm} & & \text{phát sinh trong năm} & & \text{trong năm} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{r} \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{trong năm} \end{array} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong năm}$$

+ Đối với các công trình khác

$$\begin{array}{rcccl} \text{Chi phí sản xuất} & \text{Giá trị sản lượng} & \text{Thu nhập} & \text{Các khoản} & \text{Chi phí} & \text{Lãi vay} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{chịu thuế} & \text{phụ phí} & \text{quản lý} & \text{ước tính} \\ \text{dở dang cuối năm} & \text{cuối năm} & \text{tính trước} & \text{(nếu có)} & \text{ước tính} & \text{(nếu có)} \end{array}$$

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Chi phí trồng rừng thay thế

Chi phí trồng rừng thay thế được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 4 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50
Máy móc và thiết bị	3 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6
Tài sản cố định khác	5

10. Tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là quyền sử dụng đất, là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng bảo hành công trình xây dựng, được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị công trình hoàn thành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.213.262.141	1.615.369.046
Tiền gửi ngân hàng	22.942.651.280	75.465.213.221
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	86.000.000.000
<i>Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống</i>		
Cộng	<u>105.155.913.421</u>	<u>163.080.582.267</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có chứng khoán kinh doanh. Thông tin về các khoản chứng khoán kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	425.000.000			425.000.000		
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	1.797.000.000	233.610.000	(1.563.390.000)	1.797.000.000	125.790.000	(1.671.210.000)
Ngân hàng TMCP Quân đội	493.335			493.335		
Cộng	<u>2.222.493.335</u>		<u>(1.563.390.000)</u>	<u>2.222.493.335</u>		<u>(1.671.210.000)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Lũy kế đến 30/06</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u>
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.671.210.000)	(1.953.195.235)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Sử dụng dự phòng		-
Hoàn nhập dự phòng	107.820.000	335.895.235
Số cuối năm	<u>(1.563.390.000)</u>	<u>(1.671.300.000)</u>

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>127.660.528.002</i>	<i>171.939.876.082</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà	127.660.528.002	171.939.876.082
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>253.851.965.194</i>	<i>209.060.208.124</i>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	15.620.999.898	33.299.579.856
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	32.892.389.373	29.926.401.434
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	4.236.133.479	12.924.168.413
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	16.093.746.624	15.200.251.395
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	11.032.823.320	6.485.510.349
Phải thu khách hàng khác	173.975.872.500	111.224.296.677
Cộng	381.512.493.196	381.000.084.206
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>18.596.995.224</i>	<i>18.596.995.224</i>
Tổng Công ty Sông Đà	18.596.995.224	18.596.995.224
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		<i>4.564.501.986</i>
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc		
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đrinh		
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại Du lịch Công Lý		
Các khách hàng khác	4.564.501.986	4.564.501.986
Cộng	23.161.497.210	23.161.497.210
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>39.379.332.980</i>	<i>28.095.838.727</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại và Đầu tư Bắc Thăng Long		
Công ty B Foures Private Limited	124.716.000	4.624.444.350
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	6.673.310.743	11.463.585.635
Các nhà cung cấp khác	32.581.306.237	12.007.808.742
Cộng	39.379.332.980	28.095.838.727
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Là khoản cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào vay.		
6. Phải thu khác		
6a. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.271.108.117</i>	<i>1.271.108.117</i>
Tổng Công ty Sông Đà	1.271.108.117	1,271,108,117
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>70.381.286.212</i>	<i>63.811.231.205</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	399.357.141		2.533.751.357	
Tạm ứng	53.343.073.236		47.889.997.903	
Phải thu của CBCNV	935.917.984		2.725.039.068	
Phải thu các đội công trình	1.121.782.027		880.283.963	
Tiền cổ tức phải thu				
Tiền đền bù GPMB chi hộ chủ đầu tư	6.873.384.804		2.866.055.492	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	219.850.424		219.850.424	
Tiền lãi cho vay			452.310.103	
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (*)			287.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.487.920.596		5.956.942.895	
Cộng	71.652.394.329		65.082.339.322	

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>872.500.000</i>	<i>884.000.000</i>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	11.500.000	23.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (*)	861.000.000	861.000.000
Cộng	872.500.000	884.000.000

(*) là khoản tiền phải thu lại theo “Biên bản thỏa thuận về việc cam kết góp và hoàn trả vốn thực hiện chống quá tải đường dây 110 kv Pleiku-Kontum”. Theo đó, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa góp 2.870.000.000 đồng để Tổng công ty Điện lực Miền Trung (PC3) thực hiện đầu tư công trình chống quá tải đường dây 110kv Pleiku-Kontum. Sau 6 tháng kể từ khi công trình hoàn thành đóng điện vận hành, số tiền này sẽ được hoàn trả trong 10 năm (mỗi năm 10%).

7. Nợ xấu

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	<i>46.365.893.259</i>	<i>31.392.618.351</i>	<i>47.553.042.792</i>	<i>34.381.918.783</i>
Tổng Công ty Sông Đà	46.365.893.259	31.392.618.351	47.553.042.792	34.381.918.783
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>12.490.465.444</i>	<i>5.970.121.752</i>	<i>14.715.773.727</i>	<i>7.899.105.226</i>
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	12.490.465.444	5.970.121.752	14.715.773.727	7.899.105.226
Cộng	58.856.358.703	37.362.740.103	62.268.816.519	42.281.024.009

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế đến 30/06		Lũy kế đến 30/06	
	Năm nay		Năm trước	
Số đầu năm	(19.987.792.510)		(54.946.154.099)	
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.141.463.275)			
Hoàn nhập dự phòng	1.448.487.651		10.885.635.763	
Sử dụng dự phòng			31.476.394.451	
Số cuối năm	(22.680.768.134)		(13.287.695.393)	
8. Hàng tồn kho				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.820.538.323		12.401.343.032	
Công cụ, dụng cụ	1.399.836.792		1.593.167.441	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	140.532.479.538		117.689.895.255	
Cộng	179.752.854.653		131.684.405.728	
9. Chi phí trả trước				
9a. Chi phí trả trước ngắn hạn				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Chi phí công cụ, dụng cụ	367.122.690		150.015.839	
Chi phí bảo hiểm	396.449.167		87.472.631	
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	30.000.000		60.000.000	
Cộng	793.571.857		297.488.470	
9b. Chi phí trả trước dài hạn				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Công cụ dụng cụ	2.789.704.140		950.632.185	
Thương hiệu Sông Đà	-		12.500.000	
Lợi thế thương mại	18.750.000		118.750.000	
Chi phí trồng rừng thay thế	598.952.001		925.653.087	
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-		797.232.266	
Phí kiểm định	-		40.905.475	
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.449.801.956		1.696.591.076	
Cộng	5.857.208.097		4.542.264.089	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	506.206.413.495	352.943.703.577	78.396.588.366	2.294.694.465	939.841.399.903
Mua trong năm	-	-	-	47.800.000	47.800.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	(600.772.529)	(34.975.463)	-	-	(635.747.992)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.062.152.120)	(797.004.409)	-	(1.859.156.529)
Số cuối năm	505.605.640.966	351.846.575.994	77.599.583.957	2.342.494.465	937.394.295.382
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	584.414.189	21.812.890.168	20.304.565.027	761.293.257	43.463.162.641
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	119.868.793.978	151.315.703.181	29.400.293.964	1.749.787.323	302.334.578.446
Khấu hao trong năm	8.751.617.581	12.285.532.527	753.488.343	141.634.665	21.932.273.116
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.062.152.120)	(797.004.409)	-	(1.859.156.529)
Số cuối năm	128.620.411.559	162.539.083.588	29.356.777.898	1.891.421.988	322.407.695.033
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	386.337.619.517	201.628.000.396	48.996.294.402	544.907.142	637.506.821.457
Số cuối năm	376.985.229.407	189.307.492.406	48.242.806.059	451.072.477	614.986.600.349
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại là 602.586.339.763 VND đang được thế chấp cho các khoản vay trung và dài hạn tại các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.657.997.234	117.251.752	6.775.248.986
Phân loại lại			
Mua trong năm			
Số cuối năm	6.657.997.234	117.251.752	6.775.248.986
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		117.251.752	117.251.752
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		117.251.752	117.251.752
Phân loại lại			
Số cuối năm		117.251.752	117.251.752
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.657.997.234		6.657.997.234
Số cuối năm	6.657.997.234		6.657.997.234
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
NM diện mặt trời	456.083.226	6.101.655.325			6.557.738.551
Công trình Thủy điện Đắk Pru I	16.086.296.957	86.201.945.273			102.288.242.230
Công trình lắp đặt kho xưởng mới	360.352.840				360.352.840
Các công trình khác					-
Cộng	16.902.733.023	92.303.600.598			109.206.333.621

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Thu nhập bán thanh lý tài sản trong nội bộ	1.373.783.691	227.272.727	1.601.056.418
Khấu hao chênh lệch do mua bán tài sản nội bộ	2.129.268		2.129.268
Dự phòng bảo hành công trình			
Dự phòng phải thu		-	
Giá vốn công trình chưa được ghi nhận			
Cộng	1.375.912.959	227.272.727	1.603.185.686

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

14. Lợi thế thương mại

	Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoạ	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Mặt trời	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.410.703.338	6.198.735.324	8.514.240.000	25.123.678.662
Tăng trong năm			2.128.560.000	2.128.560.000
Giảm trong năm				
Số cuối năm	10.410.703.338	6.198.735.324	10.642.800.000	27.252.238.662
Số đã phân bổ				
Số đầu năm	4.858.328.224	2.892.743.140	851.424.000	8.602.495.364
Phân bổ trong năm	1.041.070.334	619.873.544	1.064.280.000	2.725.223.878
Giảm trong năm				
Số cuối năm	5.899.398.558	3.512.616.684	1.915.704.000	11.327.719.242
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.552.375.114	3.305.992.184	7.662.816.000	16.521.183.298
Số cuối năm	4.511.304.780	2.686.118.640	8.727.096.000	15.924.519.420

15. Phải trả người bán

15a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các nhà cung cấp khác	111.513.819.030	104.081.088.012
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	2.581.017.120	2.581.017.120
Công ty Cổ phần Monotech Việt Nam	3.985.036.235	12.554.635.417
Các nhà cung cấp khác	104.911.441.402	88.945.435.475
Cộng	111.477.494.757	104.081.088.012

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	19.682.179.398	19.682.179.398
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	1.955.853.524	1.955.853.524
Công ty TNHH BTDS & Cơ khí Bình Dương	607.934.880	1.241.447.338
Công ty Cổ phần Thành Long	1.958.667.410	1.958.667.410
Công ty Cổ phần Monotech Việt Nam	3.985.036.235	3.985.036.235
Công ty TNHH Nhất Nước	2.179.769.727	2.179.769.727
Các nhà cung cấp khác	10.950.771.146	8.361.405.164
Cộng	19.682.179.398	19.682.179.398

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	10.045.202.214	19.271.981.144
Tổng Công ty Sông Đà	10.045.202.214	19.271.981.144
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	69.674.002.220	49.178.608.488
BQL Dự án các Công trình điện Miền Nam	29.069.950.859	22.290.215.263
BQL Dự án các Công trình điện Miền Bắc	1.311.310.966	1.311.310.966
BQL Dự án các Công trình điện Miền Trung	-	17.000.000.000
Công ty Thủy điện Đại Ninh	-	3.688.093.385
Các khách hàng khác	39.292.740.395	4.888.988.874
Cộng	79.719.204.434	68.450.589.632

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Giảm khác (*)		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.027.301.458		10.191.341.384	(14.406.090.031)	8.812.552.811	35.950.682		
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			24.953.500	(24.953.500)				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.827.606.466	3.396.442	2.273.431.967	(12.932.585.130)	1.168.453.303	21.396.442		
Thuế thu nhập cá nhân	713.140.686	37.146.232	1.023.011.613	(1.222.111.219)	514.041.080			
Thuế tài nguyên	784.080.783		4.079.547.229	(3.222.675.958)	1.640.952.054			
Thuế nhà đất	145.201		192.343.360	(155.066.018)	37.422.543			
Tiền thuế đất			-	-				
Thuế bảo vệ môi trường	67.204.560		-	-	67.204.560			
Các loại thuế khác			25.000.000	(25.000.000)				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.330.906.741		3.259.188.211	(3.665.682.378)	2.924.412.574			
Cộng	29.750.385.895	40.542.674	21.068.817.264	(35.654.164.234)	15.165.038.925	57.347.124		

(*) Phân loại lại khoản tạm tính thuế thu nhập cá nhân phát sinh tại Lào.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm, vật tư 10%
- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Công ty mẹ) được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty mẹ áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 6, điều 36 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp; Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư và thực hiện tại địa bàn quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 04 năm từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2023).

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1012100022 ngày 04 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng của nhà máy thủy điện Sông Miện với thuế suất là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 4 Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn được miễn thuế phải nộp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện Đăk Đoa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2017 là năm thứ 3 Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa được giảm 50% số thuế phải nộp.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 24121000139 ngày 03 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện To Bông nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động thủy điện với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi có doanh thu (từ năm 2016 đến năm 2030), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Nhà máy thủy điện To Bông đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, tuy nhiên chưa phát sinh thu nhập chịu thuế.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.273.434.967	843.193.924
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước		456.778.171
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.273.434.967	1.299.972.095

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 10% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ; cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện với mức 5% giá tính thuế đơn vị tài nguyên (x) sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ. Giá tính thuế đơn vị tài nguyên nước thiên nhiên dùng để sản xuất thủy điện do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) ban hành cho từng thời kỳ.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	28.157.478.105	24.586.306.480
Chi phí lãi vay phải trả	4.330.748.357	4.927.646.126
Trích trước chi phí công trình xây dựng	22.989.720.036	19.376.895.665
Chi phí phải trả khác	837.009.712	281.764.689
Cộng	<u>28.157.478.105</u>	<u>24.586.306.480</u>

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		1.974.227.230
Tổng Công ty Sông Đà		1.974.227.230
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	47.991.947.618	63.530.872.115
Kinh phí công đoàn	653.553.817	622.539.152
Bảo hiểm xã hội	5.029.849.968	3.510.063.622
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cổ tức phải trả	15.027.610.873	1.779.747.673
Tiền ủy thác góp vốn của CBNV	425.000.000	425.000.000
Phải trả các đội tiền khoán công trình	9.370.633.215	34.653.180.068
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng trả hộ chủ đầu tư	-	-
Tổng Công ty Phát triển đường cao tốc Việt Nam	-	-
BQL các công trình điện Miền Bắc	-	14.137.418.337
Thuế thu nhập cá nhân phát sinh tại Lào	1.964.766.010	1.847.065.626
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	15.520.533.735	6.555.857.637
Cộng	<u>47.991.947.618</u>	<u>65.505.099.345</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	500.000.000	500.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Cộng	<u>500.000.000</u>	<u>500.000.000</u>

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>293.547.567.921</i>	<i>201.147.414.964</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	72.148.142.007	51.584.401.907
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	73.712.390.586	56.693.433.466
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ	147.687.035.328	92.869.579.591
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>		<i>31.134.992.000</i>
(xem thuyết minh số V.20b)	14.646.824.559	
Cộng	<u>308.194.392.480</u>	<u>232.282.406.964</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	201.147.914.964	31.134.492.000	232.282.406.964
Số tiền vay phát sinh trong năm	225.961.632.838	-	225.961.632.838
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	1.699.460.153	1.699.460.153
Số tiền vay đã trả trong năm	<u>(133.561.979.881)</u>	<u>(18.187.127.594)</u>	<u>(151.749.107.475)</u>
Số cuối năm	<u>293.547.567.921</u>	<u>14.646.824.559</u>	<u>308.194.392.480</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	383.421.934	2.062.744.784
<i>Chi nhánh Điện Biên ⁽ⁱ⁾</i>		
<i>Chi nhánh Bắc Hà ⁽ⁱⁱ⁾</i>		1.279.862.697
<i>Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	383.421.934	782.882.087
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	349.962.721.883	310.637.180.392
<i>Chi nhánh Thành Công ^(iv)</i>		
<i>Chi nhánh Gia Lai ^(v)</i>	349.962.721.883	310.637.180.392
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	85.641.133.182	86.241.133.182
<i>Chi nhánh Láng Hạ ^(vi)</i>	46.592.501.787	47.192.501.787
<i>Chi nhánh Hà Giang ^(vii)</i>	39.048.632.395	39.048.631.395
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(viii)	493.124.724	591.747.724
Cộng	<u>436.480.401.723</u>	<u>399.532.806.082</u>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Điện Biên theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD ngày 12/10/2013, tổng số tiền vay 136.270.000.000 VND. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư, xây dựng dự án do Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng đầu tư. Lãi suất bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng phí tối thiểu 5%/năm và được điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ. Thời hạn vay 180 tháng trong đó thời gian ân hạn 24 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ công trình thủy điện To Bùng. Trong năm 2017, khoản vay này đã được thanh toán trước hạn.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐTD, vay để thực hiện dự án đầu tư mua sàn tầng 7- Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD ngày 14/5/2014, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp và hợp đồng tín dụng số 02/2015/177782/HĐTD ngày 08/06/2015, thời hạn vay 60 tháng, vay để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư nâng cao năng lực xe máy thiết bị phục vụ thi công xây lắp năm 2015.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH/SDTL ngày 13 tháng 09 năm 2013 để mua máy móc thiết bị thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2013”. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bao gồm máy móc thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2013 và xe ô tô Toyota Land Cruiser đã qua sử dụng theo hợp đồng thế chấp số 01/2013/TH/SDTL ngày 12/09/2013. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất thả nổi từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Thành Công.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai gồm 3 khoản:
- + Khoản vay để tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và hoàn vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đăk Đoa với lãi suất cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng với mức biên là 2,80%/năm, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 3 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp công trình nhà máy thủy điện Đăk Đoa.
 - + Khoản vay để hoàn vốn một phần chi phí đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Trắng (6MW) với lãi suất cố định 7,6%/năm áp dụng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình Nhà máy Thủy điện Thác Trắng, kể cả nhưng không bị giới hạn bởi đập, cửa lấy nước, hầm dẫn nước, tháp điều áp, nhà máy, kênh xả, khu nhà quản lý vận hành, trạm biến áp, trạm cắt và đường dây 35Kv, đường giao thông và các công cụ, máy móc, thiết bị gắn liền với Nhà máy thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Sông Đà 11, theo Hợp đồng thế chấp Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 36/16/NHNT ngày 28 tháng 12 năm 2016.
 - + Khoản vay để hoàn vốn một phần chi phí đầu tư Dự án nhà máy Thủy điện To Buông với lãi suất bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bên cho vay cộng phí tối thiểu 3%/năm và được điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ. Thời hạn vay 120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là nhà máy thủy điện To Buông
- (vi) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ bao gồm 2 khoản:
- + Khoản vay để thanh toán các chi phí phát sinh hình thành nên giá trị tài sản cố định của Nhà máy thủy điện Đông Khùa do Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông đầu tư với lãi suất biến đổi được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10,5%/năm. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là nhà máy thủy điện Đông Khùa.
 - + Khoản vay để bù đắp một phần chi phí đã bỏ ra để mua trụ sở làm việc tại vị trí BT03 vị trí 24 khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội với lãi suất thả nổi có điều chỉnh. Thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 20 tháng 02 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất tại địa chỉ BT03 - VT24 - Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, theo Hợp đồng thế chấp ngày 10 tháng 8 năm 2017.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số 8200-LAV200901558/HĐTD ngày 26/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 05/PLHD ngày 29/5/2013 để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện dự án Công trình Thủy điện Sông Miện với lãi suất tiền vay theo lãi suất thả nổi được Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Hà Giang tự điều chỉnh, tối đa 6 tháng một lần. Thời hạn cho vay 153 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày 03/4/2009. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay thuộc nhà máy thủy điện Sông Miện.
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 31/2014/HĐTĐDA ngày 13 tháng 10 năm 2014 để thực hiện dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp 2014". Tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải thuộc dự án trên. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng số 19/2015/HĐTDDA/NHCT324-SĐTL11 ngày 11 tháng 04 năm 2015 để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng chi nhánh 11.5 Thăng Long tại thành phố Đà Nẵng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của lô đất 6- B7 khu Bắc dân cư Hoà Cầm và hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Hợp đồng tín dụng số 39/2015/HĐTDDA/NHCT324-SĐTL11 ngày 06 tháng 7 năm 2015 để thực hiện dự án “Đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công xây lắp”. Tài sản thế chấp bao gồm toàn bộ thiết bị phục vụ thi công xây lắp; thiết bị phục vụ quản lý điều hành thuộc Dự án Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất đi vay xác định trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	16.066.006.811	31.134.492.000
Trên 1 năm đến 5 năm	225.335.304.295	225.335.304.295
Trên 5 năm	174.197.501.787	174.197.501.787
Cộng	<u>415.598.812.893</u>	<u>430.667.298.082</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Lũy kế đến 30/06 Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06 Năm trước</u>
Số đầu năm	399.532.806.082	273.561.943.833
Số tiền vay phát sinh	40.675.541.491	213.191.238.576
Số tiền vay đã trả	(1.279.862.697)	(125.368.400.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(2.448.083.153)	(9.268.453.682)
Số cuối năm	<u>436.480.401.723</u>	<u>352.116.328.727</u>

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả

21a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	1.180.581.390
Tăng do kết chuyển	128.575.506
Số hoàn nhập	
Số cuối năm	<u>1.309.156.896</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	2.876.838.061
Tăng do trích lập	302.915.217
Số hoàn nhập	(307.894.299)
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(128.575.506)
Số cuối năm	2.743.283.473

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.882.902.554	1.566.616.794	(523.100.000)	3.926.419.347
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	800.000.000	(300.000.000)	500.000.000
Cộng	2.882.902.554	2.366.616.794	(823.100.000)	4.426.419.347

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến việc hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con. Chi tiết phát sinh như sau

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Dự phòng giảm giá đầu tư			
Cộng			

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Vốn chủ sở hữu**24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần						
Số dư đầu năm trước	115.531.050.000	37.566.527.623	127.652.984.979	20.000.000.000	38.239.840.373.	84.870.430.307	423.860.833.282	
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-	6.000.000.000	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	5.652.352.030	(16.237.310)	5.636.114.720	
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm trước	115.531.050.000	37.566.527.623	127.652.984.979	20.000.000.000	43.892.192.403	84.854.192.997	429.496.948.002	
Số dư đầu năm nay	115.531.050.000	37.566.527.623	160.692.327.505	20.000.000.000	66.707.183.253	95.088.567.050	495.585.655.431	
Góp vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	19.124.512.904	5.228.507.408	24.353.020.312	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(33.612.968.085)	(2.172.000.000)	(2.172.000.000)	
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	-	31.909.266.085	-	(431.557.523)	(231.357.270)	(1.703.702.000)	
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	(26.572.141.500)	(5.798.000.000)	(662.914.793)	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(32.370.141.500)	
Số dư cuối năm nay	115.531.050.000	37.566.527.623	192.601.593.590	20.000.000.000	25.215.029.049	92.115.717.188	483.029.917.450	

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của nhà nước (Tổng Công ty Sông Đà)	31.030.000.000	31.030.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	84.501.050.000	84.501.050.000
Thặng dư vốn cổ phần	37.566.527.623	37.566.527.623
Cộng	153.097.577.623	153.097.577.623

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu phổ thông	11.553.105	11.553.105
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24d. Vốn khác của chủ sở hữu

Là phần vốn điều lệ tăng thêm trong năm 2015 tại Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 - Thăng Long từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế.

24e. Phân phối lợi nhuận

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 26.572.141.500
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 39.909.266.085
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	: 1.703.702.000

Theo Nghị quyết số 01/NQ- ĐH ĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2018, Công ty trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ là 23%.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	2.320,16	2.326,76
Kip Lào (LAK)	356.000	356.000,00

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thiết bị Điện Hà Nội	12.156.428.764	12.156.428.764	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Linh Linh	1.261.738.423	1.261.738.423	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	1.326.185.000	1.326.185.000	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	18.059.958.694	18.059.958.694	Công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>32.804.310.881</u>	<u>32.804.310.881</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế đến 30/06 Năm nay	Lũy kế đến 30/06 Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa		
Doanh thu bán điện thương phẩm	77.375.003.917	64.447.202.268
Doanh thu hợp đồng xây dựng	137.442.040.639	181.190.744.940
Doanh thu hoạt động khác	7.518.643.611	12.392.499.720
Cộng	222.335.688.167	258.030.446.928

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Lũy kế đến 30/06 Năm nay	Lũy kế đến 30/06 Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Doanh thu xây lắp thực hiện	8.761.671.357	
Doanh thu kinh doanh điện, nước		

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế đến 30/06 Năm nay	Lũy kế đến 30/06 Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp		
Giá vốn của điện thương phẩm	31.824.239.676	27.923.846.922
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	110.161.727.207	173.711.887.995
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	5.816.751.992	18.574.060.147
Cộng	147.802.718.875	220.209.795.064

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế đến 30/06 Năm nay	Lũy kế đến 30/06 Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.560.589.304	2.754.515.574
Lãi tiền gửi không kỳ hạn		249.720.817
Lãi cho vay		429.544.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia		21.966.776
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	950.027	2.123.278.970
Lãi thanh lý chứng khoán kinh doanh		17.691.362
Phí bảo lãnh		
Các khoản khác		
Cộng	1.561.539.331	5.596.717.699

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	23.310.164.865	20.204.228.403
Phí trả nợ trước hạn	-	3.042.800.000
Phí bảo lãnh, phụ phí	722.545.666	1.473.947.427
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	19.295.000	
Lỗ do hoán đổi cổ phiếu	9.789.459	
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	12.215.175
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	(107.820.000)	57.886.150
Chi phí khác	579.228.017	53.957.568
Cộng	<u>24.533.203.007</u>	<u>24.845.034.723</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	14.659.375.495	17.458.166.516
Chi phí vật liệu quản lý	1.258.820.131	1.358.634.239
Chi phí đồ dùng văn phòng	574.627.558	464.354.482
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.231.302.839	1.455.612.353
Thuế, phí và lệ phí	427.952.861	344.304.210
Chi phí dự phòng	2.692.975.624	(10.182.064.255)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.725.223.878	2.465.287.141
Phân bổ lợi thế thương mại	2.176.731.133	218.919.868
Chi phí bằng tiền khác	5.330.618.457	7.562.260.986
Cộng	<u>31.077.627.976</u>	<u>21.145.475.540</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản	100.000.000	1.689.535.253
Các khoản nợ phải trả được xóa nợ		117.361
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng	480.141.815	45.024.476.563
Thu nhập khác	6.521.281.855	124.286.820
Cộng	<u>7.101.423.670</u>	<u>46.838.415.997</u>

7. Chi phí khác

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Tiền phạt chậm nộp BHXH, phạt thuế	352.086.177	876.102.975

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ		
Thuế GTGT không được khấu trừ		
Xử lý vật tư mất		48.267.735
Chi phí khác	652.014.399	30.818.565.147
Cộng	1.004.100.576	31.733.936.857
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		540.806.332
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.621.747.787
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(45.454.545)	
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(351.882.900)
Cộng	(45.454.545)	3.810.671.219
9. Lãi trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.124.512.905	5.096.466.654
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	(1.912.451.290)	(339.814.527)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	17.212.061.614	4.756.562.127
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.553.105	11.553.105
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.490	412
9b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.		

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà	Cổ đông lớn
Các công ty con của Tổng công ty Sông Đà	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm nay</u>	<u>Lũy kế đến 30/06</u> <u>Năm trước</u>
Tổng công ty Sông Đà		
Chi phí dịch vụ		
Tiền lãi vay phải trả		
Tiền thuê tài sản trên đất		
Phí bảo lãnh phải trả cơ quan Công ty		
Mua tài sản của Tổng công ty Sông Đà		1.604.545.455

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6, V.7, V.16.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực Bán điện thương phẩm: Sản xuất điện
- Lĩnh vực khác: Cung cấp điện nước tại các công trình, kinh doanh bán đá và cung cấp các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Bán điện thương phẩm	Lĩnh vực khác	Cộng
Lũy kế đến 30/06 Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	137.442.040.639	77.375.003.917	7.518.643.611	222.335.688.167
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	137.442.040.639	77.375.003.917	7.518.643.611	222.335.688.167
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	27.280.313.432	45.550.764.241	1.701.891.619	74.532.969.292
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(31.077.627.976)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				43.455.341.316
Doanh thu hoạt động tài chính				1.561.539.331
Chi phí tài chính				(24.533.203.007)
Thu nhập khác				7.101.423.670
Chi phí khác				(1.004.100.576)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.273.434.967)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				45.454.545
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				24.353.020.313
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	57.089.192.737	-	35.262.207.861	92.351.400.598
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.705.259.193	4.759.297.483		12.464.556.676
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	1.646.579.130	1.017.040.402		2.663.619.532
Lũy kế đến 30/06 Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	181.190.744.940	76.839.701.988		258.030.446.928
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Bán điện thương phẩm</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	181.190.744.940	76.839.701.988		258.030.446.928
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.478.856.945	30.341.794.919		37.820.651.864
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(21.145.475.540)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				16.675.176.324
Doanh thu hoạt động tài chính				5.596.717.699
Chi phí tài chính				(24.845.034.723)
Thu nhập khác				46.838.415.997
Chi phí khác				(31.733.936.857)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.299.972.095)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(3.810.671.219)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				7.420.695.126
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	377.595.770		160.131.503	537.727.273
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.508.533.092		6.576.887.034	22.085.420.126

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Điện thương phẩm</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	601.147.652.603	635.170.191.425	121.517.551.011	1.357.835.395.039
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				194.669.539.722
Tổng tài sản				1.552.504.934.761
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	589.780.750.156	375.532.487.717	70.984.801.011	1.036.298.038.884
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				33.176.978.426
Tổng nợ phải trả				1.069.475.017.310

Số đầu năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Điện thương phẩm	Lĩnh vực khác	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	634.240.978.869	757.489.727.267	344.711.160	1.392.075.417.296
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				73.956.664.127
Tổng tài sản				<u>1.466.032.081.423</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	459.316.935.496	419.093.360.290	339.430.383	878.749.726.169
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				91.696.699.823
Tổng nợ phải trả				<u>970.446.425.992</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế đến 30/06 Năm nay	Lũy kế đến 30/06 Năm trước
Khu vực trong nước	222.335.688.167	258.030.446.928
Khu vực nước ngoài		
Cộng	<u>222.335.688.167</u>	<u>258.030.446.928</u>

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
		
<u>Phạm Thị Dung</u>	<u>Trần Văn Ngự</u>	<u>Lê Văn Tuấn</u>

